

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày 27/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm quân nhân:

+ 4/ Lê Tuấn Anh;

+ 4/ Lê Minh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Trần Duy Khá, Thư ký Tòa án quân sự khu vực QK7.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 72 tham gia phiên tòa: 3/ Võ Thị Thanh Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 18/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 14/3/2025 đối với bị cáo:

Trần Quốc N; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 02/4/1987 tại H; HKTT: Xã I, huyện L, tỉnh H; nơi cư trú: 109/3 tổ 15, ấp L, phường T, Thành phố B, tỉnh Đ; số định danh cá nhân: 183559818, cấp ngày 25/7/2007 tại Công an tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H (Chết) và bà Hồ L; bị cáo có vợ là Đào Thị T (Đã ly hôn), có 02 con, lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 06 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính lần nào; bị khởi tố ngày 09/9/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi kết thúc phiên tòa; có mặt.

- Bị hại:

1. Lưu Đức T, sinh năm 1991 tại T; nơi cư trú: Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 4/ CN, Ban TTKHQs, Trường SQLQ2; có mặt.

2. Quang Văn C, sinh năm 1988 tại T; nơi cư trú: Tổ 8, ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Cơ khí (chết ngày 09/7/2023).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Quang Văn C: Bùi Thị Trà G, sinh năm 1989 tại Đ; nơi cư trú: Tổ 8, ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Công nhân (là vợ bị hại Quang Văn C); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. BHXH, BQP; địa chỉ: Số 28 Lý Nam Đế, quận H, Thành phố H; vắng mặt.

2. Bùi Danh P, sinh năm 1968 tại N; nơi cư trú: Tổ 8, ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm nông; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 09/7/2023, bị cáo Trần Quốc N sinh năm 1987 qua nhà Lưu Đức T là 4/CN, Ban TTKHQS, Trường SQLQ2, cư trú tại khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ để cùng đi lắp máy lọc nước cho khách hàng. Khi đến nhà T, N để xe mô tô của mình ở nhà T và sử dụng xe mô tô biển số 60F1-631.19 của T để cùng đi lắp máy lọc nước. Khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, sau khi xong việc N điều khiển xe mô tô chở T về nhà, khi lưu thông về hướng đi Quốc lộ 51 trên đường Phùng H qua đoạn phòng khám A thuộc địa phận xã A, huyện L, tỉnh Đ khoảng 20m, N chuyển hướng sang bên trái đường rẽ vào hẻm để đi tắt về nhà T, do không đảm bảo các nguyên tắc an toàn nên đã va chạm với xe mô tô biển số 60C2-077.90 do Quang Văn C, sinh năm 1988 đang lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả, Quang Văn C tử vong do đa chấn thương, Lưu Đức T bị thương tật 24%, bị cáo bị thương, xe mô tô biển số 60C2-077.90 bị hư hỏng thiệt hại 5.590.000 đồng, xe mô tô biển số 60F1-631.19 bị hư hỏng thiệt hại 7.270.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc N thừa nhận tất cả hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mô tả. Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 09/7/2023, tôi chở anh T ngồi sau xe mô tô biển số 60F1-631.19 của anh T; tôi không có giấy phép lái xe; khi chuyển hướng rẽ trái có bật đèn xi nhan và chuyển hướng ngay, không quan sát, xử lý không kịp tình huống diễn ra nên gây tai nạn tại khu vực địa phận xã A, huyện L, tỉnh Đ làm anh Quang Văn C chết, anh Lưu Đức T bị thương 24%. Trước khi mở phiên tòa, tôi cùng gia đình bị hại Quang Văn C, ông Bùi Danh P tự nguyện thỏa thuận bồi thường tất cả các khoản là 190.000.000 đồng, hiện đã bồi thường được 23.500.000 đồng và đề nghị tòa ghi nhận; còn anh T không yêu cầu bồi thường gì.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Quang Văn C là bà Bùi Thị Trà G khai tại phiên tòa: Tôi là vợ anh Quang Văn C, hiện đang làm công nhân và nuôi con nhỏ của tôi và anh C. Trước khi mở phiên tòa, tôi cùng cha tôi là ông Bùi Danh P đã tự nguyện thỏa thuận với bị cáo bồi thường các khoản về chi phí mai táng, cấp dưỡng, tổn thất tinh thần, sửa xe mô tô biển số 60C2-077.90 tổng cộng là 190.000.000 đồng, hiện tại bị cáo đã bồi thường được 23.500.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác, đề nghị tòa ghi nhận. Xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị hại Lưu Đức T khai tại phiên tòa: Khoảng hơn 20 giờ 15 phút, ngày 09/7/2023 bị cáo chở tôi bằng xe mô tô biển số 60F1-631.19 của tôi khi đến đoạn đường P thuộc địa phận xã A, huyện L, tỉnh Đ, di chuyển bên phải đường theo hướng từ huyện T đi Quốc lộ 51, khi đến ngã ba thì xảy ra tai nạn với xe chạy ngược chiều theo hướng từ Quốc lộ 51 đi huyện T; tôi ngồi sau nên không để ý quá trình di chuyển, sau tai nạn tôi bị gãy xương gò má phải, tay chân bị xây sát nhẹ, tôi bị thương 24%; tôi nghĩ bị cáo có giấy phép lái xe; không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Bùi Danh P khai tại phiên tòa: Tôi là bố vợ của Quang Văn C, xe mô tô biển số 60C2-077.90 của tôi mua của một người ở huyện N, tỉnh Đ đã lâu; tôi đồng ý với việc bồi thường chung với bản thỏa thuận trước khi mở phiên tòa về việc bồi thường xe mô tô, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án BHH, BQP có Công văn số 293/BHH-KH ngày 24/02/2025; Công văn số 362/BHH-KH ngày 20/3/2025:

“Yêu cầu người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm y tế hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà tổ chức bảo hiểm y tế đã chi trả”. Chi phí khám chữa bệnh BHYT điều trị cho Lưu Đức T: Bệnh viện Đa khoa Đ từ ngày 09/7/2023 đến ngày 11/7/2023 là 1.421.748 đồng; Bệnh viện QY175 từ ngày 13/7/2023 đến ngày 25/7/2023 là 14.674.421 đồng. Tổng cộng là 16.096.169 đồng.

Biên bản khám nghiệm hiện trường, ngày 09/7/2023; sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ; bản ảnh khám nghiệm hiện trường; bản ảnh khám nghiệm phương tiện: “Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, hai chiều lưu thông, mặt đường phẳng được trải nhựa bằng phẳng, đường rộng 10,40m...xe mô tô biển số 60F1-631.19 sau tai nạn ngã về bên trái, đầu xe quay về hướng Quốc lộ 51, đuôi xe quay về hướng huyện T...Vết cày xe mô tô biển số 60C2-077.90 sau tai nạn để lại vết cày đứt quãng, liên tiếp trên mặt đường dài 1,10m...”.

Biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, ngày 09/7/2023; Kết luận Giám định số 5194/KL-KTHS ngày 15/5/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an TP.H: Dấu vết hằn, trượt xước kim loại ở ốc bên phải đầu trục bánh trước xe mô tô biển số 60F1-631.19 có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết hằn, trượt xước kim loại ở bộ phận giảm sóc phía trước bên phải xe mô tô biển số 60C2-077.90 có chiều từ trước về sau; Dấu vết hằn, trượt xước kim loại ở bộ phận giảm sóc phía trước bên phải xe mô tô biển số 60F1-631.19 có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết hằn, trượt xước kim loại ở ốc bên phải đầu trục bánh trước xe mô tô biển số 60C2-077.90 có chiều từ trước về sau; Dấu vết trượt xước nhựa, bám dính chất màu trắng ở ốp phía trước đầu xe mô tô biển số 60F1-631.19 có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết trượt xước nhựa ở ốp đèn chuyển hướng phía trước bên phải xe mô tô biển số 60C2-077.90 có chiều từ trước về sau.

Kết luận Giám định số 4072/KL-KTHS ngày 07/8/2024 của Phân viện KHHS tại TP.H, BCA: Vị trí va chạm đầu tiên chiều xuống mặt đường giữa xe mô tô biển số 60C2-077.90 và xe mô tô biển số 60F1-631.19 thuộc phần đường bên trái đường P, theo hướng từ Quốc lộ 1A đến Quốc lộ 51.

Kết luận Giám định tử thi số 289/KLGĐTT-TTPYĐN ngày 29/7/2023 của Trung tâm Pháp y, Sở Y tế Đ: Quang Văn C, sinh năm 1988. Kết luận nguyên nhân chết: Đa chấn thương. Chấn thương sọ não gây vỡ sọ trán thái dương phải, chảy máu nội sọ; chấn thương mặt gây gãy xương hàm gò má phải; kết hợp gãy 1/3 dưới 02 xương cẳng tay phải. Kết luận khác: Nồng độ cồn trong máu: Có tìm thấy Ethanol với hàm lượng 141,15mg/100ml.

Kết luận Giám định tổn thương cơ thể trên người sống, số 200/KLTTCT-TTPY.2024 ngày 04/5/2024 của Trung tâm Pháp y, Sở Y tế TP.H: Lưu Đức T, sinh năm 1991. Chấn thương vùng má-mắt phải gây sưng nề mô mềm, gãy cung gò má phải, gãy các thành xoang hàm và ổ mắt phải đã được điều trị phẫu thuật kết hợp xương hiện còn: Một sẹo mổ bờ ngoài ổ mắt kích thước 2 x 0,05cm; một sẹo mổ bờ dưới ổ mắt kích thước 3,2 x 0,05cm; hình ảnh gãy xương có dụng cụ kết hợp trên phim MSCT; tình trạng ổn định. Chấn thương gây xay xát thân mình đã được điều trị hiện không còn dấu vết thương tích, ổn định. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lưu Đức T tại thời điểm giám định là 24%.

Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 29/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, UBND huyện L: Chi phí khôi phục lại tình trạng ban đầu của xe mô tô biển kiểm soát 60C2-077.90 bị hư hỏng do tai nạn giao thông là 5.590.000 đồng. Chi phí khôi phục lại tình trạng ban đầu của xe mô tô biển kiểm soát 60F1-631.19 bị hư hỏng do tai nạn giao thông là 7.270.000 đồng.

Biên bản làm việc ngày 08/7/2024: Xác định nội dung trong đoạn video ghi nhận vụ tai nạn giao thông, Trần Quốc N xác định nội dung trong video là đúng với diễn biến sự việc đã khai báo với Cơ quan Điều tra, trong đoạn video Trần Quốc N là người điều khiển xe mô tô chở theo anh Lưu Đức T di chuyển bên phải đường theo hướng từ huyện T đi Quốc lộ 51, khi đến ngã ba thì xảy ra tai nạn với xe chạy ngược chiều theo hướng từ Quốc lộ 51 đi huyện T... Lý do chuyển hướng sang phần đường bên trái là để đi đường hẻm này về nhà.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS72 ngày 18/12/2024 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 72 truy tố bị cáo Trần Quốc N về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Trần Quốc N 03 năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do có hoàn cảnh khó khăn.

Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo, Bùi Thị Trà G, Bùi Danh P đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về các khoản bồi thường thiệt hại như bản thỏa thuận trước khi mở phiên tòa, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ghi nhận bị hại Lưu Đức T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo phải bồi hoàn các khoản chi phí khám chữa bệnh bị hại Lưu Đức T, các khoản chi phí này có căn cứ pháp luật, hợp lý cho việc cấp cứu, điều trị bị hại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi hoàn cho BHXH, BQP theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 586 BLDS; điểm a khoản 1 Điều 590 BLDS là 16.096.169 đồng.

Bị cáo phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 BLDS.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Hình sự khu vực 2, Các TCSN đã ra Quyết định xử lý vật chứng ngày 15/11/2024 gồm: 01 xe mô tô biển số 60C2-077.90 và 01 xe mô tô biển số 60F1-631.19, trả lại cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp là phù hợp, có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; đối với 02 đĩa DVD ghi âm hỏi cung, camera ghi nhận tai nạn giao thông, xác định đây là tài liệu, dữ liệu điện tử nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Trần Quốc N đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng. Trong lời tự bào chữa, bị cáo không có bào chữa gì cho hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất để có điều kiện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và làm một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các TCSN, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 72, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, lời khai các đương sự có mặt cũng như vắng mặt tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Quốc N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ; biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông; Kết luận Giám định tử thi; Kết luận Giám định tổn thương cơ thể trên người sống; Kết luận Giám định số 5194/KL-KTHS ngày 15/5/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an TP.H; Kết luận Giám định số 4072/KL-KTHS ngày 07/8/2024 của Phân viện KHHS tại TP.H, BCA...

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, xét thấy: Bị cáo Trần Quốc N điều khiển xe mô tô biển số 60F1-631.19 dung tích xi lanh 113 cm³, chở Lưu Đức T ngồi phía sau, bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, khi chuyển hướng sang bên trái đường nhưng không chú ý quan sát, không đảm bảo các quy tắc an toàn trong khu vực dân cư, không nhường đường cho xe đi ngược chiều đã va chạm với xe mô tô biển số 60C2-077.90 do Quang Văn C đang lưu thông theo hướng ngược lại, hậu quả Quang Văn C tử vong, Lưu Đức T bị thương tích 24%, xe mô tô biển số 60C2-077.90 bị hư hỏng thiệt hại 5.590.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo vi phạm vào khoản 2, 5 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ; khoản 9 Điều 8; khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ. Thiệt hại do bị cáo gây ra làm 01 người chết, 01 người bị thương 24% là lỗi của bị cáo. Vì vậy, hành vi của bị cáo Trần Quốc N đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung tăng nặng “*Không có giấy phép lái xe theo quy định*” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại Quang Văn C; bị hại Lưu Đức T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, xem xét lượng hình cho bị cáo vì gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có bác, chú ruột là liệt sĩ; bị hại Quang Văn C qua giám định có nồng độ cồn trong máu. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm an toàn công cộng, hậu quả làm một người chết, một người bị thương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội và những thiệt hại đã xảy ra. Xem xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại; xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn; gia đình bị hại C và bị hại T đều xin giảm nhẹ hình phạt, đây là cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Vì vậy, căn cứ quy định Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy rằng không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nên áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS cho bị cáo Trần Quốc N được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt tù và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát và giáo dục cũng có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 260 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[5] Đối với hành vi Lưu Đức T giao xe mô tô biển số 60F1-631.19 cho bị cáo Trần Quốc N, T không biết N không có giấy phép lái xe. Do đó, hành vi của Lưu Đức T không đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ” quy định tại Điều 264 BLHS.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Trong vụ án, bị cáo là người có lỗi nên phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ các thiệt hại đã xảy ra, nên căn cứ Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS; Điều 591 và khoản 2 Điều 601 BLDS. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa bị cáo và Bùi Thị Trà G, Bùi Danh P đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại các khoản về chi phí mai táng, cấp dưỡng, tổn thất tinh thần, sửa xe mô tô biển số 60C2-077.90 tổng cộng là 190.000.000 đồng, hiện tại đã bồi thường được 23.500.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác và không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án ghi nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị hại Lưu Đức T không có đề nghị gì và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị hại Lưu Đức T được cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ và Bệnh viện QY175, do bị hại T là quân nhân được hưởng chế độ Bảo hiểm Y tế theo quy định và tại Công văn số 293/BHXXH-KH ngày 24/02/2025; Công văn số 362/BHXXH-KH ngày 20/3/2025 của BHXH, BQP về việc hoàn trả chi phí khám

bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của quân nhân trong vụ án gồm: Chi phí khám chữa bệnh BHYT điều trị bệnh tại: Bệnh viện Đa khoa Đ từ ngày 09/7/2023 đến ngày 11/7/2023 là 1.421.748 đồng; Bệnh viện QY175 từ ngày 13/7/2023 đến ngày 25/7/2023 là 14.674.421 đồng. Tổng cộng là 16.096.169 đồng. Các khoản chi phí này có căn cứ pháp luật, hợp lý cho việc cấp cứu, điều trị bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi hoàn cho BHXH, BQP theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 586 BLDS; điểm a khoản 1 Điều 590 BLDS là 16.096.169 đồng.

Bị cáo phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 BLDS.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Hình sự khu vực 2, Các TCSN đã ra Quyết định xử lý vật chứng ngày 15/11/2024 gồm: 01 xe mô tô biển số 60C2-077.90 và 01 xe mô tô biển số 60F1-631.19, trả lại cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp là phù hợp, có cơ sở.

Đối với 02 đĩa DVD ghi âm hỏi cung, camera ghi nhận tai nạn giao thông. Đây là tài liệu, dữ liệu điện tử nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Quốc N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải bồi hoàn: $5\% \times 16.096.169$ đồng là 804.808 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS, xử phạt Trần Quốc N 03 (Ba) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 27/3/2025. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Quốc N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về bồi thường thiệt hại

Ghi nhận bị hại Lưu Đức T không yêu cầu bị cáo Trần Quốc N bồi thường thiệt hại.

Ghi nhận bị cáo Trần Quốc N và Bùi Thị Trà G, Bùi Danh P đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 586 BLDS; điểm a khoản 1 Điều 590 BLDS buộc bị cáo Trần Quốc N phải bồi hoàn cho

BHXX, BQP số tiền là 16.096.169 (Mười sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi chín) đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được bồi hoàn nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì họ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Trần Quốc N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 804.808 (Tám trăm lẻ bốn nghìn tám trăm lẻ tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/3/2025) đối với bị cáo, Lưu Đức T, Bùi Thị Trà G, Bùi Danh P, kể từ ngày nhận được bản án đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa (BHXX, BQP) có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 7.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- TAQSQK7;
- THAQK7;
- PTHAQK7;
- VKSQSQK7;
- VKSQSKV72;
- ĐTHSKV2, Các TCSN;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người ĐDHP của BH;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu HS; THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**